TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2025/DS-ST
Ngày 11-9-2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Khắc T - Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu kiêm Trưởng phòng giao dịch Phú Mỹ.

Địa chỉ: Số 384 đường Đ phường P, thành phố Hồ Chí Minh

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Kim N - Chuyên viên (vắng mặt)

Người được ủy quyền tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị N - Chuyên viên

(theo Giấy ủy quyền số 137/2025/GUQ-PGDPM, ngày 20 tháng 8 năm 2025 - bà Nương có mặt)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Phương T , sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được nguyên đơn ủy quyền tham gia phiên tòa bà Phan Thị Nương trình bày:***

- Ngày 25/12/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) và bà Đoàn Thị Phương T đã ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng"), số thẻ 472074-4597. Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho bà T thẻ tín dụng loại VISA Classic, với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, vay không có tài sản bảo đảm, lãi suất thời điểm phát hành thẻ là 33,2%.

Từ ngày phát hành thẻ, bà T thực hiện 04 giao dịch với tổng số tiền 737.684 đồng, cụ thể:

+ Ngày 05/01/2024, giao dịch 100.000 đồng;

+ Ngày 05/02/2024, giao dịch 20.000 đồng;

+ Ngày 05/07/2024, giao dịch 250.000 đồng;

+ Ngày 05/8/2024, giao dịch 367.684 đồng.

Tính đến ngày khởi kiện, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 807.499 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả số tiền này.

- Tiếp theo ngày 04/01/2024, giữa Ngân hàng và bà T đã ký hợp đồng tín dụng (qua ứng dụng Sacombank Pay) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000394826-CN/PGD. Theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 18.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi 1,4%/tháng (16,8%/năm), việc vay tiền không có tài sản bảo đảm.

Quá trình vay, bà T mới trả nợ gốc và lãi được 08 kỳ (từ ngày 25/3/2024 đến 25/10/2024) với tổng số tiền 10.621.282 đồng. Đến ngày 25/02/2025, do bà T vi phạm nghĩa vụ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả tổng số tiền chưa thanh toán gồm nợ gốc, nợ lãi và phí quá hạn là 12.939.204 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xác nhận lại yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Đối với Thẻ tín dụng, số thẻ 472074-4597: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 05/7/2025 bà T đã trả cho Ngân hàng số tiền 535.799 đồng và ngày 10/9/2025 đã trả thêm số tiền 358.632 đồng. Như vậy đến nay bà T đã thanh toán hết khoản nợ của Thẻ tín dụng trên. Do đó, Ngân hàng xin rút phần yêu cầu khởi kiện này đối với bà T.

+ Đối với Thẻ tín dụng, số thẻ 211251-5043: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán 12.939.204 đồng (gồm nợ gốc 8.000.000 đồng; nợ lãi và phí quá hạn 4.939.204 đồng). Tuy nhiên do nhầm lẫn trong tính toán nên Ngân hàng đã xác định số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí quá hạn chưa chính xác, nhưng tổng số tiền bà T phải trả của Thẻ tín dụng trên không thay đổi, vẫn giữ nguyên như khởi kiện ban đầu. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà T đã trả thêm cho Ngân hàng số tiền 3.641.691 đồng. Như vậy đến ngày 10/9/2025, bà T còn nợ Ngân hàng 11.469.056 đồng (gồm nợ gốc 7.973.027 đồng; nợ lãi và phí quá hạn 3.496.029 đồng). Ngân hàng yêu cầu bà T phải tiếp tục trả số tiền còn nợ nêu trên.

Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí quá hạn phát sinh theo hợp đồng (Thẻ tín dụng, số thẻ 211251-5043) cho đến khi bà T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

**** Bị đơn bà Đoàn Thị Phương T:***

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến làm việc, tham gia phiên tòa nhưng bà T không có mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật của vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bà Đoàn Thị Phương T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết

[2.1] Về tính pháp lý của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng. Trong các ngày 25/12/2023 và 04/01/2024, giữa Ngân hàng và bà T đã ký Giấy đề nghị, kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân, số thẻ 472074-4597 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ (thực hiện qua ứng dụng Sacombank Pay) số LD0000394826-CN/PGD. Các hợp đồng này được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, những nội dung đã thỏa thuận không trái quy định hay vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Đối với dư nợ Thẻ tín dụng, số thẻ 472074-4597 theo Giấy đề nghị, kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 25/12/2023:

Tại phiên tòa, Ngân hàng xác nhận bà T đã thanh toán xong các khoản nợ tại Thẻ tín dụng nêu trên nên xin rút phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút.

[2.2.2] Đối với dư nợ Thẻ tín dụng, số thẻ 211251-5043 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000394826-CN/PGD, ngày 04/01/2024:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng với số tiền vay 18.000.000 đồng, quá trình sử dụng bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được 8 kỳ (từ ngày 25/3/2024 đến 25/10/2024) với tổng số tiền 10.621.282 đồng. Đến ngày 25/02/2025, do bà T vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay thành nợ quá hạn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 10/9/2025 bà T đã thanh toán thêm cho Ngân hàng 3.641.691 đồng nên số tiền còn nợ lại là 11.469.056 đồng, gồm nợ gốc: 7.973.027 đồng; nợ lãi và phí quá hạn: 3.496.029 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và bảng sao kê khoản vay tiêu dùng của bà T do Ngân hàng cung cấp nhận thấy: Thời điểm Ngân hàng chuyển khoản nợ gốc chưa thanh toán thành nợ quá hạn, cách xác định các khoản tiền lãi và thời gian tính lãi là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 3, Điều 4 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ ngày 04/01/2024; phù hợp với các khoản 1, 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN, ngày 30/6/2016 và Thông tư 17/2021/TT-NHNN, ngày 16/11/2021 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà T phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 11/9/2025 cho đến khi bà T thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 573.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng ;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Phương T thanh toán khoản nợ tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 20/6/2023, số thẻ 472074-4597.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Phương T thanh toán khoản nợ tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000394826-CN/PGD, ngày 04/01/2024.

Buộc bà Đoàn Thị Phương T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 10/9/2025 là 11.469.056 đồng (mười một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn không trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó gồm: nợ gốc 7.973.027 đồng; nợ lãi và phí quá hạn: 3.496.029 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2025, bà Đoàn Thị Phương T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD0000394826-CN/PGD, ngày 04/01/2024 cho đến khi bà T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị Phương T phải nộp 573.000 đồng (năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 343.000 đồng (ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001180, ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa

- Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12-Thành phố Hồ Chí Minh)

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án"

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSNDKV12-Tp.Hồ Chí Minh;
- THADSKV12-Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Nghĩa